

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày: 12 / 6 / 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hồng Anh - Bí thư huyện Đoàn
2. Nguyễn Thị Lệ Thanh - Giáo viên hưu trí

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLST-HS ngày 06/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST- HS ngày 01/4/2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 15/4/2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 11 ngày 15/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức V, sinh năm 2004 Nơi cư trú: Khu phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hoá. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn Tr và bà Lê Thị B; vợ: chưa. Tiền án, tiền sự: không. Tạm giữ: không. Tạm giam: ngày 16/01/2024 tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Ưng Ngọc Việt K, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2007 (Vị thành niên). Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Ưng Ngọc C và bà Lê Thị T; vợ: chưa. Tiền sự: Ngày 15/11/2023 Công an thành phố S, tỉnh Thanh Hoá xử phạt hành chính bằng hình thức “Cảnh cáo” về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tiền án: không. Tạm giữ: không. Tạm giam: ngày 16/01/2024 tại nhà Tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Văn Đình Tr, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hoá. Nơi ở hiện nay: Khu phố H, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hoá; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Văn Đình T và bà Phạm Thị B; vợ: chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 13/11/2020 Tòa án nhân dân Quận N, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Chấp hành xong hình phạt tù

ngày 09/02/2021; nộp án phí HSST ngày 06/01/2022). Tạm giữ: không. Tạm giam: ngày 16/01/2024 tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Hoàng Văn H, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2006 (Vị thành niên). Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hoá; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị P. Vợ: chưa. Tiền án, tiền sự: không. Tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

5. Đới Văn K, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2006 (Vị thành niên). Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đới Văn V và bà Bùi Thị H. Vợ: chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2024. Bắt tạm giam từ ngày 13/3/2024. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

1. Ông Phạm Văn S - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Năm Châu, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa là người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H.

2. Ông Trần Tiến Q - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Năm Châu, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa là người bào chữa cho bị cáo Đới Văn K

3. Bà Nguyễn Thị H - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Năm Châu, Đoàn Luật sư Thanh Hóa là người bào chữa cho bị cáo Uông Ngọc Việt K

*** Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo:**

1. Bà Lê Thị Th - sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Uông Ngọc Việt K). Có mặt

2. Ông Hoàng Văn H - sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hoá (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Hoàng Văn H). Có mặt

3. Ông Đới Văn V - sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá (Là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đới Văn K). Vắng mặt.

*** Bị hại:** Anh Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Lê Văn H, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố U, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23h30 ngày 31/12/2023, Trần Đức V, Uông Ngọc Việt Kh, Dới Văn K, Văn Đình Tr và Hoàng Văn H đang chơi tại phòng trọ của Việt thuê tại thôn 5, xã Q, TP. S, tỉnh Thanh Hoá. Đến khoảng 00h30' ngày 01/01/2024, V nói với cả nhóm: “*Bây giờ anh em ta hết tiền tiêu rồi, hay ta tìm đồ gì lấy trộm bán lấy tiền tiêu*”. Kh nói: “*Ở lán gần nhà tao để lưới đánh cá ở đấy, ta đến đấy lấy đem bán*”. Tất cả đều đồng ý. Lúc này, K điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda Future màu trắng BKS 36N1-191.31 chở Vt; Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đen không rõ BKS chở H và Kha ngồi sau. Sau đó, Kh dẫn đường đưa cả nhóm đến lán ở gần bãi biển thuộc thôn 6, xã Q, huyện Q (lán của gia đình anh Nguyễn Đình Ng). Đến nơi, quan sát xung quanh không có ai, cửa lán không khoá; Tr đi lại tháo móc sắt và giật cửa ra ngoài; Kh, H, V đi vào bên trong lán còn Tr, K đứng ngoài xe cảnh giới. Khi vào lán Kh, H và V lấy 03 bọc bằng lưới màu xanh (bên trong có 40 tấm lưới đánh cá) mang ra ngoài. Khi ra ngoài cả nhóm thấy chiếc xe kéo 2 bánh tự chế (xe của gia đình anh Ng) để phía ngoài lán. Các đối tượng bàn nhau lấy chiếc xe kéo để vận chuyển số lưới đi. Sau đó, Kh, V lôi xe kéo lại cho cả nhóm đặt lưới lên xe kéo, K điều khiển xe mô tô BKS 36N1-191.31 chở V ngồi sau kéo xe kéo; Tr, H và Kh đi xe nhãn hiệu Exciter do Tr điều khiển quay về phòng trọ của V. Do lúc này đã muộn không tìm được nơi bán nên các đối tượng thống nhất để lưới và xe tại phòng trọ của V để Tr liên hệ tìm nơi bán. Sau đó, H điều khiển xe BKS 36N1-191.31 về nhà, các đối tượng còn lại ngủ tại phòng trọ của V.

Đến khoảng 11h00' ngày 01/01/2024, Tr gọi điện cho anh Lê Văn H là người Trung quen biết và làm nghề thu mua sắt vụn; Tr nói dối anh H: “*Nhà thằng em cháu có ít lưới đánh cá không dùng tới, cần bán, chú có mua thì xuống đây mà chở về*”; tin lời Tr, anh H đồng ý và điều khiển xe ô tô đến phòng trọ của V (do Tr cho địa chỉ). Khi anh H đến nơi, Tr chỉ vào Kh và nói “*Lưới của bạn này*”; anh H hỏi Kh: “*Lưới này của nhà ai*”, Kh nói: “*Lưới này của nhà cháu, không dùng nữa nên bán*”. Tin là thật anh H đồng ý mua lưới với giá 1.500.000đ và đưa tiền cho Kh rồi mang lưới đi. Còn lại chiếc xe kéo vẫn để tại phòng trọ của V. Số tiền có được các đối tượng sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 4h ngày 04/01/2023, anh Ng đi đánh bắt cá nên đến lán của mình để lấy lưới thì phát hiện bị mất toàn bộ 40 tấm lưới cùng chiếc xe kéo tự chế nên anh Ng đã đến Công an xã Q, huyện Qu trình báo sự việc.

Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo số tài sản trên do V, Tr, Kh, K và H trộm cắp mà có nên ngày 05/01/2023, Trần Đức V đã giao nộp chiếc xe kéo tự chế; anh Lê Văn H giao nộp 40 tấm lưới đánh cá để phục vụ công tác điều tra.

Theo báo cáo của anh Nguyễn Đình Ng, tài sản bị mất trộm là 40 tấm lưới đánh cá có giá trị 12.000.000đ; 01 xe kéo tự chế có giá trị 500.000đ.

Ngày 15/01/2024 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Xương đã định giá và kết luận: Tài sản vụ trộm cắp xảy ra ngày 01/01/2024 được xác định tại thời điểm bị trộm cắp trị giá là **6.400.000đ** (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đối với anh Lê Văn H là người mua lại 40 tấm lưới đánh cá của Tr và Kh; tuy nhiên anh H không biết tài sản trên là do các bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với anh H.

Vật chứng vụ án: Đối với 40 tấm lưới đánh cá; 01 chiếc xe kéo tự chế. Quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Đình Ng là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 16/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho anh Ng. Anh Ng đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu trắng BKS 36N1 - 191.31, Hoàng Văn H sử dụng cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô trên là của ông Hoàng Văn H (bố đẻ H). Việc Hiệp tự ý lấy xe mô tô của ông H đi phạm tội, ông Hùng không biết nên Cơ quan điều tra không tịch thu xe mô tô trên.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đen không rõ BKS, Trần Đức V sử dụng cùng đồng phạm thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, V khai báo xe mô tô trên là của V, V đã bán lại cho một người đàn ông đi đường không quen biết tại TP. S trước khi đến Cơ quan điều tra làm việc nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ được.

- Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen Tr dùng liên lạc với anh H để bán 40 tấm lưới đánh cá. Tr khai báo chiếc điện thoại trên đã bị hỏng, Tr đã bỏ đi trước khi đến Cơ quan điều tra làm việc nên Cơ quan điều tra không thể thu giữ được.

*** Về bồi thường dân sự:** Anh Nguyễn Đình Ng đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về phần bồi thường dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.500.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSQX ngày 04/3/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Trần Đức Vi, Ông Ngọc Việt Kh, Văn Đình Tr, Đới Văn K và Hoàng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các và đề nghị HĐXX áp dụng:

1. Trần Đức V: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt từ 12 đến 15 tháng tù.

2. Ông Ngọc Việt Kh: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt từ 07 đến 10 tháng tù.

3. Văn Đình Tr: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt từ 09 đến 12 tháng tù.

4. Đới Văn K: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101; Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt từ 06 đến 09 tháng tù.

5. Hoàng Văn H: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101; Điều 65 BLHS. Đề nghị xử phạt từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- *Về bồi dân sự:* Công nhận bị hại anh Nguyễn Đình Ng đã nhận lại đầy đủ tài sản. Công nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000đ.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

***Tại phiên tòa phần tranh luận** người bào chữa cho các bị cáo đều có chung ý kiến: Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Về đánh giá mức độ hành vi phạm tội, đánh giá vai trò của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Kh: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, cũng như mức độ hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên nhận thức hạn chế, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i khoản 1 Điều 51 và Điều 54 BLHS đề nghị xử cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo K: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, hành vi không đáng kể, phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên, nhận thức hạn chế, nhân thân tốt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo ở mức thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo H: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tham gia với vai trò giúp sức không đáng kể, phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên, nhận thức hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, đề nghị Hội đồng xét giảm nhẹ cho bị cáo và cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

***Tại phiên tòa** những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Kh, bị cáo H có mặt đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và đề nghị xét xử theo qui định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay: Lời khai của các bị cáo thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ được thu thập phản ánh trong hồ sơ. Có đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 00h30” ngày 01/01/2024 tại phòng trọ của Trần Đức V thuộc Thôn 5, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hoá, Trần Đức V rủ Uông Ngọc Việt Kh, Đới Văn K, Văn Đình Tr, Hoàng Văn Hi đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Tất cả đều đồng ý và cùng nhau đi đến lán để lưới đánh cá của anh Nguyễn Đình Ng ở bãi biển thuộc Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá theo sự chỉ dẫn của Uông Ngọc Việt Kh. Khi đến nơi V, Tr, Kh, K và H cùng nhau lén lút trộm cắp của anh Ng 40 tấm lưới đánh cá; 01

chiếc xe kéo 2 bánh tự chế có tổng trị giá là 6.400.000đ, sau đó bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Nên tại phiên toà Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 điều 173 BLHS.

[3]. Tính chất vụ án: Đây là vụ án trộm cắp tài sản được thực hiện vào ban đêm, các bị cáo lợi dụng tài sản không có người trông coi quản lý, đã tiếp cận, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách trái pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an khu vực, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do vậy phải được xử lý nghiêm minh.

[4]. Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò với nhau từ trước, khi có người rủ thì tất cả nhau đồng ý tham gia và tự hiểu ý nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội.

[4.1]. Bị cáo V là người khởi xướng hành vi phạm tội là người trực tiếp lấy tài sản, nên xếp Việt ở vai trò đầu. Bị cáo Kh là người đồng ý tham gia và là người trực tiếp chỉ nơi lấy tài sản, trực tiếp vào lấy tài sản, là người trực tiếp đứng ra bán tài sản, nên xếp vai trò thứ hai. Bị cáo H trực tiếp vào lấy tài sản cùng V và Kh; Bị cáo Tr, K là người tham gia với vai trò giúp sức cảnh giới nên xếp Tr, H, K tham gia với vai trò thứ ba là phù hợp.

[4.2]. Như đánh giá ở phần trên Việt vai trò đầu và là người rủ rê các bị cáo Uông Ngọc Việt Kh, Đới Văn K, Hoàng Văn H chưa đủ 18 tuổi tham gia thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo Việt phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS, nên mức án của V là cao nhất. Bị cáo Kh vai trò thứ hai và có 01 tiền sự về tội Trộm cắp chưa xóa, nên mức án của Kh cao thứ hai. Bị cáo Tr vai trò thứ 3, nhưng có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội Trộm cắp nên xếp mức án của Tr cao thứ ba. Bị cáo H, K vai trò thứ ba nhưng nhân thân chưa tiền án, tiền sự, nên xếp mức án thấp nhất bằng nhau là phù hợp.

[4.3]. Cả 05 bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo V, H, Kh, K có chung tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được qui định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo K có thêm tình tiết giảm nhẹ có bác ruột là Liệt Sỹ, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Như phân tích ở trên bị cáo Kh giữ vai trò thứ hai, tuy nhiên bị cáo có nhiều tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ngày phạm tội chưa đến tuổi thành niên, nên áp dụng Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo H, K tham gia với vai trò thứ ba, ngày phạm tội cũng chưa đến tuổi thành niên, nên áp dụng Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6]. Xét tính chất vụ án, vai trò và nhân thân thì việc cách ly bị cáo V, Kh, Tr khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo giáo dục các bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với Đới Văn K tuy tham gia vai trò cuối, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng quá trình bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú có dấu hiệu bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình giải quyết và xét xử vụ án, Công an xã Q, huyện

Quảng Xương có công văn đề nghị bắt bị cáo để tạm giam, ngày 13/3/2024 bị cáo đã bị bắt tạm giam để đảm bảo cho việc xét xử; hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, cố tình trốn tránh, gây khó khăn trong quá trình xét xử, do đó cần phải cách ly bị cáo K ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo H vai trò cuối, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà áp dụng Điều 65 BLHS bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[7]. Bồi thường dân sự: Bị hại anh Nguyễn Đình Ng đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu gì về phần dân sự. Nên công nhận bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền 1.500.000đ, nên chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền này.

[8] Án phí HSST: Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với các bị cáo); điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS (đối với bị cáo V); điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với , K, Kh, V); khoản 2 Điều 51 BLHS (đối với Kh). Khoản 1 Điều 91; Khoản 1 Điều 101 (đối với Kh, H, K); Điều 38 BLHS (đối với V, Kh, Tr, K); Điều 65 BLHS (đối với Hiệp).

Khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Tuyên bố: Trần Đức V, Uông Ngọc Việt Kh, Văn Đình Tr, Đới Văn K, Hoàng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”

1. Xử phạt: Trần Đức V 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 16/01/2024.

2. Xử phạt: Văn Đình Tr 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 16/01/2024.

3. Xử phạt: Uông Ngọc Việt Kh 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 16/01/2024.

4. Xử phạt: Đới Văn K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/3/2024.

5. Xử phạt: Hoàng Văn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho UBND xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì

thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*Về bồi thường dân sự: Công nhận bị hại anh Nguyễn Đình Ng đã nhận lại đầy đủ tài sản.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000đ.

* Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Nguyễn Đình Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Thi hành án DS huyện Q;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

